CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333
TT. Eaknốp - H. Eakar - T. Daklak

CÔNG BỐ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2011 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Tư vấn và kiểm toán A&C

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	01-01-11	31-12-11
I	**Tài sản ngắn hạn**	**139.285.700.843**	**236.578.409.087**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.758.925.674	6.871.081.898
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	86.437.906.912	129.191.820.985
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	26.110.333.582	46.341.146.243
4	Hàng tồn kho	11.748.195.450	44.769.056.438
5	Tài sản ngắn hạn khác	10.230.339.225	9.405.303.523
II	**Tài sản dài hạn**	**202.094.119.467**	**290.757.511.531**
1	Các khoản phải thu dài hạn		0
2	Tài sản cố định	201.481.839.567	281.897.977.672
	- Tài sản cố định hữu hình	38.551.045.427	232.597.604.452
	- Tàn sản cố định vô hình	50.833.850	429.086.530
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng dỡ dang	162.879.960.290	48.871.286.690
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5	Tài sản dài hạn khác	612.279.900	8.859.533.859
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**341.379.820.310**	**527.335.920.618**
IV	**Nợ phải trả**	**241.484.057.849**	**400.264.390.632**
1	Nợ ngắn hạn	138.635.939.897	284.650.529.136
2	Nợ dài hạn	102.848.117.952	115.613.861.496
V	**Vốn chủ sở hữu**	**99.895.762.461**	**127.071.529.986**
1	Vốn chủ sở hữu	99.895.762.461	127.071.529.986
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34.500.000.000	39.674.330.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	11.500.000.000	11.349.100.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	47.090.254.696	64.498.339.720
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.805.507.765	11.549.760.266
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		
	- Quỹ khen thưởng và phúc lợi		
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
IV	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**341.379.820.310**	**527.335.920.618**

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	191.644.669.775	512.363.166.064
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	5.142.857	2.594.116
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	191.639.526.918	512.360.571.948
4	Giá vốn hàng bán	147.409.161.576	432.327.782.490
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.230.365.342	80.032.789.458
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6.537.300.990	20.848.859.762
7	Chi phí tài chính	5.343.790.180	47.897.960.787
8	Chi phí bán hàng	68.326.028	138.585.814
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.725.033.903	15.160.308.961
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	34.630.516.221	37.684.793.658
11	Thu nhập khác	188.328.638	910.177.195
12	Chi phí khác	35.850.543	9.188.977
13	Lợi nhuận khác	152.478.095	900.988.218
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.782.994.316	38.585.781.876
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.802.264.847	4.225.883.689
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.980.729.469	34.359.898.187
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.790	8.660
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	35%	25%

III CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	**Cơ cấu tài sản**	**%**		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản		59,20	55,14
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		40,80	44,86
2	**Cơ cấu nguồn vốn**	**%**		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		70,74	75,90
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn		29,26	24,10
3	**Khả năng thanh toán**	**Lần**		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,92	0,67
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,41	1,32
4	**Tỷ suất lợi nhuận**	**%**		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản		9,66	6,52
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu		17,21	6,71
	- Tỷ suất LN sau thuế/ Nguồn vốn CSH		33,02	27,04

Đaklak, ngày 16 tháng 06 năm 2012

Tổng Giám đốc

(Đã ký & đóng dấu)

Phan Xuân Thủy